

NỘI DUNG VÀ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUẢN LÝ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH DỰA TRÊN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

VŨ LỘC AN*

Ngày nhận bài: 11/05/2017; ngày sửa chữa: 12/05/2017; ngày duyệt đăng: 16/05/2017.

Abstract: Training public servants at provincial politics schools based on information technology application follows contents, ranging from defining targets, planning, designing the training programmes, implementing, testing to assessing. Implementation of these contents are affected by many factors such as requirements of education reform, awareness of stakeholders, qualification of managerial staff, teachers and learners, policies of application of Information Technology.

Keywords: Contents, factors, officers, the provincial political school, application of Information Technology.

Quản lý (QL) bồi dưỡng (BD) cán bộ (CB), công chức (CC) dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) là những tác động có định hướng, có kế hoạch và tổ chức chặt chẽ của chủ thể QL lên quá trình BD, nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động này dựa trên tiện ích của CNTT, góp phần nâng cao chất lượng BD CB, CC theo mục tiêu xác định. QL BD CB, CC dựa trên ứng dụng CNTT bao gồm nội dung chủ yếu từ xây dựng mục tiêu, chương trình và kế hoạch BD; nâng cao trình độ CNTT cho CB, giảng viên đến đảm bảo điều kiện vật chất, thiết bị kỹ thuật và kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả. Việc thực hiện các nội dung đó luôn chịu tác động bởi các yếu tố khách quan và chủ quan, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động này. Vì vậy, làm rõ nội dung chủ yếu và yếu tố tác động đến QL BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh dựa trên ứng dụng CNTT là hết sức cần thiết, cụ thể như sau:

1. Về nội dung QL BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh dựa trên ứng dụng CNTT

1.1. Xây dựng mục tiêu, chương trình và kế hoạch BD CB, CC dựa trên ứng dụng CNTT. Đây là nội dung có vai trò hết sức quan trọng bởi vì đây là hành động đầu tiên của chủ thể QL, nếu thực hiện tốt sẽ tạo cơ sở giúp chủ thể tổ chức triển khai các hoạt động QL nhằm đạt hiệu quả trong xác định chương trình, giai đoạn hành động và điều kiện cần thiết trong thời gian nhất định để đạt mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, việc xây dựng mục tiêu, chương trình và kế hoạch BD CB, CC dựa trên ứng dụng CNTT phải cụ thể và phù hợp với trình độ của người học (trung cấp, cao cấp...). Từ đó, giúp chủ thể có tầm nhìn tổng thể, bao quát toàn diện hoạt động của các cơ quan, đơn vị để

có thể quyết định chính xác, điều chỉnh và lựa chọn phương án tối ưu, tiết kiệm nhân lực, vật lực, tài chính, song vẫn đạt tới hiệu quả tối đa trong QL BD CB, CC dựa trên ứng dụng CNTT.

1.2. BD nâng cao trình độ CNTT cho CB, giảng viên và chỉ đạo thiết kế nội dung dạy học có ứng dụng CNTT. BD nâng cao trình độ năng lực ứng dụng CNTT cho CB, giảng viên có vai trò quan trọng đối với QL BD CB, CC bởi vì lực lượng chủ yếu, quyết định chất lượng BD CB, CC là đội ngũ giảng viên và CB QL giáo dục, nên việc BD, nâng cao trình độ về CNTT cho đội ngũ này là nhiệm vụ rất quan trọng của lãnh đạo trường. Nội dung BD bao gồm các kiến thức cơ bản về tin học và kỹ năng về CNTT như: kỹ năng sử dụng máy tính, máy in, máy chiếu; kỹ năng khai thác và sử dụng các tiện ích trên mạng, thiết kế, sử dụng giáo án có ứng dụng CNTT, khai thác và sử dụng phần mềm trong QL đào tạo và dạy học; kỹ năng xử lý các tình huống khi sử dụng các thiết bị CNTT trong giảng dạy và hướng dẫn học viên học tập. Sự quan tâm BD nâng cao trình độ CNTT cho CB, giảng viên sẽ trở thành nhu cầu tất yếu của họ; từ đó tạo tiền đề và điều kiện thuận lợi thúc đẩy tích cực ứng dụng CNTT, góp phần nâng cao chất lượng BD CB, CC của các trường chính trị tỉnh.

Chỉ đạo CB, giảng viên ứng dụng các phần mềm QL đào tạo và thiết kế nội dung dạy học dựa trên CNTT. Các phần mềm QL đào tạo và dạy học là công cụ hỗ trợ đắc lực ở tất cả các khâu, các nội dung của người QL, từ lập kế hoạch, xếp thời khóa biểu, lịch công tác đến thanh kiểm tra, thống kê, đánh giá, xếp

* Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội

loại, ứng dụng các phần mềm trong QL hồ sơ, hoạt động dạy học của người dạy, người học, đánh giá kết quả dạy và học... Chỉ đạo giảng viên thiết kế nội dung bài giảng trên lớp (soạn giáo án tích cực) và hướng dẫn học viên học tập dựa trên CNTT; nội dung thể hiện sự tích hợp các yếu tố nghe nhìn, các bức ảnh dạng tĩnh, dạng động, các đoạn phim và giúp học viên tương tác, trao đổi các tình huống sư phạm do giảng viên đặt ra, tạo môi trường học tập mới, giúp họ khám phá và giải quyết vấn đề học tập một cách sáng tạo. Các phương tiện nghe nhìn hiện đại giúp cho việc cung cấp thông tin phong phú, đa dạng và hấp dẫn, dễ sử dụng để nâng cao tính trực quan trong các chuyên đề giảng dạy...

1.3. Tổ chức thực hiện chương trình, nội dung, hình thức tổ chức và chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học dựa trên ứng dụng CNTT. Nội dung này có vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh hiện nay. Do đó, trong tổ chức bài dạy, giảng viên cần phải kết hợp hiệu quả yếu tố sư phạm nhằm phát huy tính sáng tạo của học viên trong giờ học và sử dụng yếu tố công nghệ như các thiết bị CNTT hiện đại, các phần mềm dạy học phù hợp với nội dung bài dạy trên lớp, tạo được sự tương tác giữa người dạy với người học và giữa người học với nhau, làm cho bài giảng thực sự hấp dẫn với người học.

Ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học sẽ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, giúp học viên học tập ở mọi nơi, mọi lúc, mọi trình độ khác nhau. Các phần mềm dạy học sẽ hỗ trợ đắc lực cho việc đổi mới phương pháp dạy học vì nó có thể tạo ra nguồn thông tin phong phú, trực quan, sống động; giúp học viên tiếp nhận kiến thức của bài học một cách chân thực hơn, hiểu bài sâu sắc hơn; thậm chí có phần mềm cho phép người học có thể tự tìm tòi, khám phá nguồn tri thức mới cho bản thân. Đối với giảng viên, nếu có kĩ năng ứng dụng CNTT và sử dụng hợp lí các tính năng của phần mềm dạy học sẽ tránh được tình trạng lạm dụng CNTT trong dạy học, tập trung vào phân tích các nội dung chính yếu của bài dạy.

1.4. Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị kĩ thuật CNTT phục vụ hoạt động BD và tự BD của cán bộ, công chức. Đây là nội dung QL hết sức quan trọng, quyết định đến chất lượng hiệu quả BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh dựa trên CNTT. Do đó, các trường cần đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng BD CB, CC. Cần có kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở

vật chất, hệ thống CNTT, máy tính nối mạng internet và mạng nội bộ; đảm bảo có phòng học đa phương tiện với các thiết bị như: máy tính, projector, máy in, webcam, điện thoại và kết nối internet tốc độ cao phục vụ giảng dạy. Xây dựng kế hoạch cung cấp các phần mềm dạy học hỗ trợ việc soạn giảng, tạo điều kiện thời gian, sắp xếp thời khóa biểu hợp lí để giảng viên nghiên cứu các phần mềm dạy học, soạn giáo án có ứng dụng CNTT...

1.5. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả BD CB, CC dựa trên ứng dụng CNTT. Đây là nội dung thể hiện chức năng trọng yếu của chủ thể QL bởi vì thông qua kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả BD sẽ lượng giá được kết quả ứng dụng CNTT hỗ trợ BD CB, CC của nhà trường; từ đó có quyết định QL, điều chỉnh sơ xuất hoặc xử lí các sai phạm trong thực tiễn. Đánh giá kết quả BD CB, CC của các trường dựa trên ứng dụng CNTT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp nhà QL biết được vấn đề nào cần quan tâm trong tổ chức và thực hiện có hiệu quả đạt được mức cao nhất. Khi thu thập kết quả cần lưu ý tính tương đối, sai lệch trong các thông tin nên người QL cần nhìn nhận tổng quan để có phân tích chính xác. Từ kết quả đã thu thập, chủ thể QL lấy đó làm căn cứ để xây dựng các luận cứ phục vụ cho điều chỉnh kế hoạch BD CB, CC, hoạt động dạy và học các môn học dựa trên ứng dụng CNTT. Để thu thập được kết quả, người QL có thể sử dụng nhiều phương pháp như: lấy kết quả từ các báo cáo, qua việc kiểm tra, thu thập phiếu khảo sát hoặc thông qua ý kiến phản ánh của đồng nghiệp và học viên tham gia các lớp BD CB, CC...

2. Yếu tố tác động đến QL BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh dựa trên ứng dụng CNTT

2.1. Yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng BD CB, CC trong cơ quan nhà nước, đáp ứng nhiệm vụ của chính phủ điện tử trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay. Yêu cầu của chất lượng đội ngũ CB, CC hiện nay đặt ra cho đổi mới, nâng cao chất lượng BD đội ngũ này trong cơ quan nhà nước là gắn liền với chiến lược xây dựng con người, chuẩn bị nguồn nhân lực cho quá trình phát triển kinh tế thị trường, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Những đòi hỏi về chất lượng đội ngũ CB, CC đã và đang tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ đến công tác QL BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh dựa trên ứng dụng CNTT hiện nay. Do vậy, các trường chính trị tỉnh cần chú trọng đến công tác QL đào tạo, giảng dạy và học tập của CB, người dạy, người học; đồng thời, cung cấp cho học viên những kiến thức thực sự

tin giản, cơ bản và có ý nghĩa ứng dụng cao trong thực tiễn, nhằm đáp ứng nhiệm vụ của chính phủ điện tử trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay.

2.2. Nhận thức và trách nhiệm của lực lượng tham gia BD CB, CC. Nhận thức là quá trình biến chứng của sự phản ánh thế giới khách quan trong ý thức con người. Tiến bộ của CNTT đã làm thay đổi nhận thức của con người và tổ chức; vì vậy, chủ thể QL phải ý thức được những nhân tố mới để thay đổi nhận thức và hội nhập cùng sự phát triển chung của xã hội, nhất là lĩnh vực GD-ĐT. Việc đổi mới tư duy của các cấp lãnh đạo trước sự phát triển mạnh mẽ CNTT trong BD CB, CC là rất cần thiết; cụ thể như: Tư duy hệ thống, chiến lược và toàn diện về tổ chức và môi trường giáo dục, dạy học trong quá trình phát triển CNTT của cơ sở đào tạo, BD; tư duy về lãnh đạo và QL trên nền tảng CNTT, các yếu tố gây ra biến đổi của nhà trường, đơn vị; tư duy theo mô hình, quy trình để tổ chức sự phối hợp của con người và hệ thống công cụ (thiết bị), từ đó tiến đến lập kế hoạch cho sự phối hợp trong QL BD CB, CC; tư duy lãnh đạo và QL dựa trên tri thức, nhìn nhận vai trò sáng tạo của con người trong làm chủ CNTT và nghiệp vụ, từ đó sáng tạo ra quy trình mới, tổ chức mới trong QL BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh dựa trên ứng dụng CNTT...

2.3. Trình độ, năng lực ứng dụng CNTT của CB QL, giảng viên và học viên tham gia BD CB, CC. Nguồn nhân lực luôn là yếu tố hàng đầu cho sự thành công trong QL BD CB, CC, đặc biệt là hoạt động CNTT phục vụ cho công tác này. Muốn nâng cao hiệu quả QL BD CB, CC dựa trên ứng dụng CNTT mà chỉ đầu tư các thiết bị, phương tiện công nghệ thì chưa đủ mà còn cần phát triển một cách tương xứng năng lực của con người sử dụng những phương tiện đó. Khi có sự thay đổi về phương thức QL BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh dựa trên ứng dụng CNTT thì vấn đề huấn luyện, đào tạo và sử dụng con người trong lao động công nghệ cao là hết sức quan trọng, chính vì vậy cần phải xây dựng một cơ cấu nhân lực đồng bộ để thực hiện thành công việc BD CB, CC dựa trên ứng dụng CNTT. Các chủ thể QL cần thấy rõ những tác động, ảnh hưởng của nguồn nhân lực CNTT, từ đó tăng cường triển khai BD nâng cao trình độ CNTT cho CB, giảng viên, CB QL để từng bước phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống QL đào tạo điện tử thông qua nền tảng ứng dụng CNTT trong BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh hiện nay.

2.4. Cơ sở pháp lý và chính sách ứng dụng CNTT trong BD CB, CC. Do tính chất quan trọng

của ứng dụng CNTT trong GD-ĐT nên trong Điều 34 của **Luật CNTT** đã quy định một số nội dung liên quan đến hoạt động ứng dụng CNTT trong GD-ĐT như: “Nhà nước có chính sách khuyến khích ứng dụng CNTT trong việc dạy, học, tuyển sinh, đào tạo và các hoạt động khác trong lĩnh vực GD-ĐT trên môi trường mạng. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động GD-ĐT trên môi trường mạng phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định của pháp luật về giáo dục. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm xây dựng, triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy ứng dụng CNTT trong GD-ĐT. Bộ GD-ĐT quy định điều kiện hoạt động GD-ĐT, công nhận giá trị pháp lý của văn bằng, chứng chỉ trong hoạt động GD-ĐT trên môi trường mạng và thực hiện kiểm định chất lượng GD-ĐT trên môi trường mạng”. Khi đưa CNTT sử dụng, tích hợp trong đào tạo, hệ thống này sẽ đảm bảo cơ chế làm việc theo nguyên tắc QL hệ thống, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung, thực hiện chính xác các chiều thông tin dữ liệu, bảo mật và đáp ứng các yêu cầu cơ bản chức năng QL trong tổ chức đào tạo như: Lập kế hoạch đào tạo; Tổ chức đào tạo; Lãnh đạo; Kiểm tra... Các cơ sở pháp lý và chính sách trên đã và đang tác động ảnh hưởng mạnh mẽ đến ứng dụng CNTT trong BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh; do vậy, các trường cần tạo lập các điều kiện hỗ trợ về vật chất và tinh thần để động viên đội ngũ CB, CC, giảng viên.

2.5. Cơ sở vật chất và hạ tầng kĩ thuật CNTT trong BD CB, CC. Sự phát triển CNTT bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng kĩ thuật; do đó, các chủ thể QL cần thấy rõ những tác động, ảnh hưởng của cơ sở vật chất và hạ tầng kĩ thuật trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả BD CB, CC ở các trường chính trị tỉnh, từ đó có biện pháp đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất như: các phòng làm việc, phòng chứa các trang thiết bị, máy móc, công cụ để đảm bảo ứng dụng CNTT trong hoạt động QL. Đầu tư phát triển hạ tầng kĩ thuật, hệ thống trang thiết bị máy tính, hệ thống mạng truyền dẫn thông tin, phần mềm máy tính và các thiết bị điện tử viễn thông phục vụ ứng dụng CNTT trong BD CB, CC... □

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2000). *Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 Về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*

(Xem tiếp trang 84)

ra mục đích, nội dung và các tiêu chí. Việc tổ chức các ban kiểm tra phải đúng cơ cấu, đúng nguyên tắc, cần xây dựng rõ ràng thang điểm kiểm tra.

- Cần đánh giá thông qua các minh chứng sau: Kế hoạch HĐTNSĐ của GV trong cả năm học cho một lớp học, kế hoạch HĐTNSĐ trong dạy học các môn KHXH đồng tâm cho một lớp trong toàn cấp học; Minh chứng xác nhận kế hoạch đã được thực hiện và phiếu phản hồi về hiệu quả của HĐTNSĐ đối với người học; Đánh giá thông qua quan sát, dự hoạt động; Hình thức và nội dung đánh giá có đánh giá được năng lực cần hình thành không.

- Ban Giám hiệu và GV cần sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả, có ý nghĩa thì quá trình giáo dục HS mới có ý nghĩa. Cụ thể là: GV thực hiện tốt HĐTNSĐ trong dạy học các môn KHXH cần có động viên khen thưởng thích đáng. Các nội dung HĐTNSĐ cũng cần được đánh giá theo từng năng lực giống như các môn học để trong bảng đánh giá HS, người sử dụng biết HS có năng lực gì cũng như năng lực xã hội nào là thế mạnh của HS; Kết quả giáo dục cần được sử dụng trong tuyển chọn theo các mục đích khác nhau.

2.2.5. Gắn quản lý HĐTNSĐ với công tác thi đua khen thưởng:

- Cần xây dựng nội quy của nhà trường về thực hiện HĐTNSĐ, kỉ luật lao động, gắn hoạt động giảng dạy của GV với quyền lợi và trách nhiệm nghề nghiệp; Thành lập ban thi đua khen thưởng, kỉ luật xây dựng các tiêu chí đánh giá về khen thưởng và kỉ luật. Ở mỗi tổ chuyên môn cũng cần có sự kiểm tra, đánh giá chéo giữa các GV.

- Định kì hàng tháng, cán bộ quản lý họp với tổ trưởng chuyên môn để nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động chuyên môn, thường xuyên trực tiếp dự sinh hoạt chuyên môn ở tổ để nắm bắt tình hình và đánh giá chất lượng; Xây dựng kế hoạch dự các HĐTNSĐ cho cả năm học, học kì và hàng tháng cụ thể. GV chủ động thực hiện nhiệm vụ dự các HĐTNSĐ theo kế hoạch cá nhân; Ban thi đua khen thưởng kiểm tra, đánh giá định kì theo tháng, học kì, năm học và tiêu chí đã đề ra để khen thưởng kịp thời những các nhân, tập thể xuất sắc trong việc vận dụng HĐTNSĐ. Đồng thời, điều chỉnh, uốn nắn kịp thời những sai sót trong HĐTNSĐ của đội ngũ GV.

- Xây dựng HĐTNSĐ và thi đua khen thưởng của nhà trường một cách khoa học, thiết thực, dân chủ, công khai, nghiêm túc thực hiện có hiệu quả; Thực hiện phân cấp quản lý, phân quyền cho tổ trưởng

chuyên môn, trưởng ban thi đua khen thưởng có sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của quản lí nhà trường.

3. Kết luận

Để nâng cao hiệu quả quản lí HĐTNSĐ trong dạy học môn KHXH, các nhà trường cần phải tiến hành các biện pháp quản lí một cách đồng bộ và có hệ thống, nhằm đạt được mục tiêu quản lí. Các biện pháp này có mối quan hệ biện chứng, bổ sung cho nhau trong quá trình thực hiện. Từ việc nâng cao mức độ nhận thức tất cả các đối tượng làm công tác giáo dục, đặc biệt là đội ngũ quản lí, đội ngũ GV đến quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá, động viên khuyến khích... Tất cả các khâu đều vô cùng quan trọng, quyết định thành công của chất lượng dạy học trong nhà trường. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2015). *Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông (chương trình tổng thể)*.
- [2] Nguyễn Thị Liên (chủ biên, 2016). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Thị Hằng - Nguyễn Quang Linh - Nguyễn Mậu Đức (2016). *Bồi dưỡng giáo viên xây dựng và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Thái Nguyên, tháng 10/2016, tr 94-101.
- [4] Đỗ Ngọc Thống (2015). *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo từ kinh nghiệm giáo dục quốc tế và vấn đề của Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 115, tr 23-27.
- [5] Đặng Quốc Bảo (1997). *Những vấn đề cơ bản về quản lí giáo dục*. NXB Giáo dục.

Nội dung và yếu tố tác động...

(Tiếp theo trang 77)

- [2] Quốc hội (2006). *Luật Công nghệ thông tin (Luật số 67/2006/QH11 ngày 29/06/2006)*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2008). *Chỉ thị số 55/2008/CT-BGDĐT ngày 30/09/2008 Về tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục giai đoạn 2008-2012*.
- [4] Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/08/2010 Phê duyệt chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015*.
- [5] Đỗ Trung Tá (2004). *Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông để đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam*. Báo Bưu điện Việt Nam, số 16, tr 2.